

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Quyết	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2016)
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Lê Ngọc Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/04/2016)
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016



Số: 263 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15/08/2016, từ trang 03 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0657-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

385
NG
NH
ATC
AC
PHC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.333.940.305	49.757.735.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.588.768.169	1.345.471.213
1. Tiền	111		8.588.768.169	1.345.471.213
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.261.869.534	20.914.370.848
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	15.167.413.915	17.526.669.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.393.393.228	2.366.263.250
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	2.500.000.000	1.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	20.375.999
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(798.937.609)	(798.937.609)
III. Hàng tồn kho	140	8	26.635.895.541	26.188.835.365
1. Hàng tồn kho	141		26.635.895.541	26.188.835.365
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.847.407.061	1.309.057.729
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.545.484.471	1.303.244.760
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		301.922.590	5.812.969
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.166.756.457	17.310.458.894
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.800.000.000	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	1.800.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		19.963.618.379	16.752.453.004
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.963.618.379	16.752.453.004
- Nguyên giá	222		27.160.322.709	22.796.537.801
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.196.704.330)	(6.044.084.797)
III. Tài sản dài hạn khác	260		403.138.078	558.005.890
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	385.803.862	540.671.674
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		17.334.216	17.334.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		80.500.696.762	67.068.194.049


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016


MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		17.647.258.541	9.227.854.022
I. Nợ ngắn hạn	310		16.375.103.541	9.227.854.022
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	7.396.527.556	7.304.061.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.534.023.640	162.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	2.256.811.145	1.432.408.080
4. Phải trả người lao động	314		-	192.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		193.209.800	137.384.840
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	3.994.531.400	-
II. Nợ dài hạn	330		1.272.155.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	1.272.155.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.853.438.221	57.840.340.027
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	62.853.438.221	57.840.340.027
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.353.438.221	5.340.340.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.340.340.027	3.994.080.385
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.013.098.194	1.346.259.642
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		80.500.696.762	67.068.194.049



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016


Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng


Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		50.067.280.546	27.610.859.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	50.067.280.546	27.610.859.951
4. Giá vốn hàng bán	11	16	39.545.108.141	19.986.742.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.522.172.405	7.624.117.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		347.423	174.504
7. Chi phí tài chính	22		153.081.332	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		153.081.332	-
8. Chi phí bán hàng	25	17	1.733.473.745	892.889.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	1.984.734.262	2.787.271.585
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		6.651.230.489	3.944.131.221
11. Thu nhập khác	31		54.000.000	100.000.000
12. Chi phí khác	32		386.015.166	175.710.178
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(332.015.166)	(75.710.178)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.319.215.323	3.868.421.043
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	1.306.117.129	851.052.629
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.013.098.194	3.017.368.414
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	955	575



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.319.215.323	3.868.421.043
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.155.025.805	683.108.443
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	322.191.760	75.535.674
- Chi phí lãi vay	06	153.081.332	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.949.514.220	4.627.065.160
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	56.391.693	(3.092.091.552)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(447.060.176)	(1.930.784.858)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.169.355.407	3.098.939.764
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(87.371.899)	(830.883.952)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(153.081.332)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(343.754.417)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.143.993.496	1.872.244.562
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.713.184.908)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	45.454.545	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	347.423	174.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.167.382.940)	100.174.504
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.442.031.400	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.175.345.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.266.686.400	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.243.296.956	1.972.419.066
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.345.471.213	2.275.975.653
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	8.588.768.169	4.248.394.719



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2015 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 125 người (tại 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng và dịch vụ xây dựng
Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

30.0
TY
H
OAI
O
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành Nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 30/06/2016 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
Máy móc, thiết bị	3 - 14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.618.412.989	1.313.674.017
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.970.355.180	31.797.196
Cộng	<u>8.588.768.169</u>	<u>1.345.471.213</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>15.167.413.915</u>	<u>17.526.669.208</u>
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.166.168.724	4.418.458.724
Công ty CP Tư vấn Quản lý Dự án Xây dựng CMAX	1.648.157.500	-
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Các đối tượng khác	8.051.987.688	11.807.110.481

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay	<u>4.300.000.000</u>	<u>4.300.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>2.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>
- Các khoản cho vay cá nhân (i)	2.500.000.000	2.500.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
<i>Dài hạn</i>	<u>1.800.000.000</u>	<u>1.800.000.000</u>	-	-
- Các khoản cho vay cá nhân (ii)	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-

Ghi chú:

(i) Khoản cho vay cá nhân Nguyễn Thị Liên với lãi suất 7,5%/năm theo số hợp đồng 01/HĐ/Nguyễn Thị Liên – Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiến Trung Sơn La ngày 25 tháng 06 năm 2016, thời hạn vay 06 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho vay cá nhân Nguyễn Thị Hương với lãi suất 5%/năm theo số hợp đồng 01/HĐ/Nguyễn Thị Hương – Công ty Sudev ngày 02 tháng 12 năm 2015, thời hạn vay 02 năm và không có tài sản đảm bảo.

2546
ÔNG
TN
IEM
VA
4 PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	650.550.002	1.301.100.003	650.550.002
Công ty TNHH Thành Thiêm	63.810.595	31.905.298	63.810.595	31.905.298
Công ty CP xây lắp Tây Sơn	232.964.620	116.482.310	232.964.620	116.482.310
Cộng	1.597.875.218	798.937.609	1.597.875.218	798.937.609

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.808.226.362	-	992.206.100	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	7.872.072.487	-	9.923.011.892	-
Hàng hóa	14.955.596.692	-	15.273.617.373	-
Cộng	26.635.895.541	-	26.188.835.365	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.545.484.471	1.303.244.760
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	1.545.484.471	1.303.244.760
b) Dài hạn	385.803.862	540.671.674
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	385.803.862	540.671.674

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
01/01/2016	13.145.697.673	2.876.147.186	6.774.692.942	22.796.537.801
- Mua trong kỳ	-	562.182.182	4.172.002.726	4.734.184.908
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(370.400.000)	(370.400.000)
30/06/2016	13.145.697.673	3.438.329.368	10.576.295.668	27.160.322.709
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2016	2.144.415.156	1.529.274.272	2.370.395.369	6.044.084.797
- Khấu hao trong kỳ	475.598.748	142.614.688	536.812.369	1.155.025.805
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.406.272)	(2.406.272)
30/06/2016	2.620.013.904	1.671.888.960	2.904.801.466	7.196.704.330
Giá trị còn lại				
01/01/2016	11.001.282.517	1.346.872.914	4.404.297.573	16.752.453.004
30/06/2016	10.525.683.769	1.766.440.408	7.671.494.202	19.963.618.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại 30/06/2016 là 280.000.000 đồng (Tại 01/01/2016 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định mang đi thế chấp tại 30/06/2016 là 2.354.158.864 đồng (Tại ngày 01/01/2016 là 0 đồng).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	7.396.527.556	7.396.527.556	7.304.061.102	7.304.061.102
Công ty TNHH MTV Vinh Thịnh Vương	2.500.006.850	2.500.006.850	-	-
Công ty TNHH Vinh Tho	718.443.470	718.443.470	-	-
Đối tượng khác	4.178.077.236	4.178.077.236	7.304.061.102	7.304.061.102

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	154.996.969	666.609.491	804.569.138	17.037.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.272.834.270	1.306.117.129	343.754.417	2.235.196.982
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	1.432.408.080	1.972.726.620	1.148.323.555	2.256.811.145

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.612.031.400	3.612.031.400	3.060.000.000	6.672.031.400	-	-
Ngân hàng TP Bank (i)	3.612.031.400	3.612.031.400	-	3.612.031.400	-	-
Vay ngắn hạn cá nhân			3.060.000.000	3.060.000.000	-	-
Vay dài hạn	1.272.155.000	1.272.155.000	497.845.000	1.770.000.000	-	-
Ngân hàng VP Bank (ii)	844.655.000	844.655.000	355.345.000	1.200.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (iii)	427.500.000	427.500.000	142.500.000	570.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	382.500.000	382.500.000	-	382.500.000	-	-
Ngân hàng VP Bank (ii)	240.000.000	240.000.000	-	240.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (iii)	142.500.000	142.500.000	-	142.500.000	-	-
Cộng	5.266.686.400	5.266.686.400	3.557.845.000	8.824.531.400	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	382.500.000	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.272.155.000	-
	<u>1.654.655.000</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	382.500.000	-
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	1.272.155.000	-

Ghi chú:

(i) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 251-03.16/HĐTD/TPBANK.HMI ngày 23/03/2016, thời hạn 12 tháng. Khoản vay được thực hiện theo kế ước số 01/251-03.16/GNN ngày 02/03/2016, thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ kinh doanh, thanh toán tiền hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của cá nhân trong Công ty.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải của Công ty.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải của Công ty..

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.155.802.041	55.655.802.041
Lãi / (lỗ) trong kỳ	-	2.184.537.986	2.184.537.986
Số dư tại ngày 01/01/2016	52.500.000.000	5.340.340.027	57.840.340.027
Lãi / (lỗ) trong kỳ	-	5.013.098.194	5.013.098.194
Số dư tại ngày 30/06/2016	52.500.000.000	10.353.438.221	62.853.438.221

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	36.633.537.156	12.465.747.020
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.433.743.390	15.145.112.931
Cộng	<u>50.067.280.546</u>	<u>27.610.859.951</u>

15. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	31.246.606.078	8.783.194.205
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	8.298.502.063	11.203.548.244
Cộng	<u>39.545.108.141</u>	<u>19.986.742.449</u>

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	656.388.760	680.796.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	443.001.142	551.425.554
Chi phí khấu hao TSCĐ	475.598.748	153.374.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.817.039	241.158.699
Chi phí bằng tiền khác	163.928.573	1.160.516.595
Cộng	<u>1.984.734.262</u>	<u>2.787.271.585</u>

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	884.252.711	351.663.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.828.117	158.920.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.392.917	382.305.224
Cộng	<u>1.733.473.745</u>	<u>892.889.200</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	8.056.407.673	6.941.845.875
Chi phí nhân công;	2.360.420.440	3.065.543.160
Chi phí khấu hao tài sản cố định;	1.232.125.341	683.108.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài;	998.631.956	623.463.923
Chi phí khác bằng tiền.	163.508.373	685.713.543
Cộng	<u>12.811.093.783</u>	<u>11.999.674.944</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	4.252.063.437	2.258.433.803
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	211.370.325	-
Thu nhập chịu thuế	4.463.433.762	2.258.433.803
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ	892.686.752	496.855.437
Công ty con		
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	2.067.151.886	1.609.987.240
Thu nhập chịu thuế	2.067.151.886	1.609.987.240
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con	413.430.376	354.197.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	1.306.117.129	851.052.629

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.013.098.194	3.017.368.414
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.250.000	5.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	955	575
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, Công ty không chia quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	5.266.686.400	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.588.768.169)	(1.345.471.213)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	<u>62.853.438.221</u>	<u>57.840.340.027</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,0%</u>	<u>0,0%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.588.768.169	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.069.538.697	15.949.169.989
Tổng cộng	<u>24.658.306.866</u>	<u>17.294.641.202</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.266.686.400	-
Phải trả người bán và phải trả khác	7.589.737.356	7.441.445.942
Tổng cộng	<u>12.856.423.756</u>	<u>7.441.445.942</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Y.C.T.
N
T.N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.588.768.169	-	8.588.768.169
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.069.538.697	-	16.069.538.697
Tổng cộng	24.658.306.866	-	24.658.306.866
Tại ngày 30/6/2016			
Các khoản vay	3.994.531.400	1.272.155.000	5.266.686.400
Phải trả người bán và phải trả khác	7.589.737.356	-	7.589.737.356
Tổng cộng	11.584.268.756	1.272.155.000	12.856.423.756
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.074.038.110	(1.272.155.000)	11.801.883.110
Tại ngày 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	-	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.949.169.989	-	15.949.169.989
Tổng cộng	17.294.641.202	-	17.294.641.202
Tại ngày 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.441.445.942	-	7.441.445.942
Tổng cộng	7.441.445.942	-	7.441.445.942
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.853.195.260	-	9.853.195.260

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

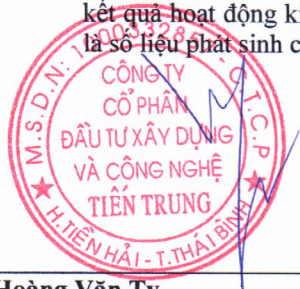
Trong kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Từ 01/01/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u>
	đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
	VND	VND
Lương và thu nhập ban giám đốc	120.600.000	114.300.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, số liệu so sánh là số liệu phát sinh cùng kỳ năm trước (từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015) đã được soát xét.



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu